

MINH ĐỊNH Ý NGHĨA CỦA CHỮ “HẬU” TRONG TỤC THỜ HẬU

ĐÀO PHƯƠNG CHI*

Tóm tắt: Thờ Hậu là phong tục lâu đời của Việt Nam. Về ý nghĩa của chữ “Hậu” (các tư liệu hiện biết đã ghi nhận 4 mã chữ 后, 後, 候, 厚), trước nay đã có nhiều người đề cập với những kết luận vừa tương đồng, vừa dị biệt. Trong số đó, phần lớn các nhận định tuy ít nhiều hợp lý, nhưng chưa thực sự đủ đầy, khách quan. Trên cơ sở tìm hiểu một số nội dung được ghi chép trong các văn bản Hán Nôm, kết hợp với tra cứu các tư liệu khả tín, bài viết này được hình thành với mục đích tiến thêm một bước xác định tất cả những ý nghĩa của chữ “Hậu” hiện biết trong tục thờ Hậu, ngõ hầu minh định một khái niệm căn bản trong phong tục này.

Từ khoá: thờ Hậu, phong tục, làng xã, tế tự, Việt Nam

Abstract: Worshipping Hau is a long-standing custom of Vietnam. Regarding the meaning of the word "Hau" (currently known documents have recorded 4 variants of the word: 后, 後, 候, 厚), scholars have mentioned this before with both similar and different conclusions. Among them, most of the comments, although more or less reasonable, are not really complete and objective. Drawing on Han Nom sources and other reliable documents, this article seeks to further clarify the various meanings of the word “Hau” as used in the worship tradition, thereby shedding light on a core concept within this cultural practice.

Keywords: worshipping Hau, customs, village, worship, Vietnam

Dẫn ngôn

Trong văn hóa làng xã cổ truyền, “Hậu” và tục thờ Hậu là những khái niệm khá quen thuộc. Và cho đến nay, tuy không nhiều, nhưng vẫn còn một số nơi duy trì lễ giỗ Hậu¹...

Hậu là những người thường (không phải thần thánh), vì có ơn đức với dân (tuyệt đại đa số là vì đã cung tiến của cải cho làng xã), mà được đưa vào phụ thờ trong các cơ sở thờ tự như chùa, đình, đền, miếu, văn từ văn chỉ, từ đường, hoặc chỉ đơn giản là được hưởng “huang hoá” nơi

bộ thờ của xóm, ngõ, giáp, v.v... Đã có một giai đoạn dài trong lịch sử, thờ Hậu từng là phong tục phổ biến ở từng làng xã. Cho tới nay, tuy chỉ còn dấu vết mờ nhạt qua những kỳ giỗ Hậu - mang tính tự nguyện, hồi cố hơn là bắt buộc - diễn ra một cách hiếm hoi ở một số ít làng xã, nhưng trái lại với sự “xuống dốc” của tục này, các nghiên cứu về tục thờ Hậu lại có sự “bùng nổ” chưa từng có trong khoảng chục năm trở lại đây, với hàng chục bài tạp chí và chuyên khảo. Các nghiên cứu đã tập trung phân tích hàng

* TS., Viện Nghiên cứu Hán Nôm

loạt vấn đề hữu quan, như: Hậu là ai?; thành phần cung tiến; số của cái cung tiến; sự báo đền cho Hậu, v.v... và đã đem đến những kết quả khả tín. Tuy nhiên, khái niệm cơ bản nhất của tục này: ý nghĩa của chữ “hậu” là gì?, thì vẫn đang tồn tại khá nhiều quan điểm khác nhau và dường như chưa được giải quyết một cách thấu đáo. Nghiên cứu này được tiến hành trên cơ sở tìm hiểu một số nội dung được ghi chép trong các văn bản Hán Nôm hữu quan, kết hợp với tra cứu các tư liệu khả tín, với mục đích trả lời cho câu hỏi đó.

1. Những nhận định của người đi trước

Trước hết, để có thể nghiên cứu vấn đề một cách trọn vẹn, có đầu có cuối về ý nghĩa của chữ “Hậu”, có lẽ không nên vì sợ mất thời gian của độc giả mà bỏ qua việc đi tìm lại nhận định của những người đi trước một cách cụ thể. Bởi vậy, tôi đã không ngại phiền, khi nhắc lại những nội dung hữu quan như dưới đây:

- Hậu “tức là được phụng thờ sau Thần Phật. Từ ý nghĩa này mà phái sinh các dạng Hậu Thánh, Hậu Hiền - ghi công cho những người đóng góp công của cho Hội Tư văn, cho dòng họ, được phụng thờ sau Khổng Tử và các vị tiền hiền. Về sau từ “Hậu” được nhìn nhận như một danh từ chỉ người được lập Hậu [...]”^{2&3}.

- “Ba chữ Hậu [後, 后, 候] [...] nếu tách riêng thì có nghĩa rất khác nhau nhưng khi ghép chung với các chữ Thần 神, Phật 佛, Hiền 賢 [...] thì chúng đều chỉ chung một nghĩa là *phía sau* Thần, Phật hoặc Thánh hiền”⁴.

- “[...] Hậu thần (後神) nhiều khi còn được viết thành 后神 (vị trí phía sau thần),

候神 (người hầu cận của thần), hay 厚神 (người hiền hậu như vị thần)”⁵.

- “Theo cách viết của các văn bia bầu Hậu, chữ “hậu” (後) có nghĩa là “sau”. Nếu người được bầu Hậu ở chùa thì người đó ở sau Phật, các vị Bồ Tát, Thánh tăng, La hán, sư tổ,... Nếu ở đình thì người đó ở sau Thành hoàng và các vị Phúc thần; nếu được bầu Hậu ở miếu, nghè, diêm, ... thì người đó ở sau các vị thần; nếu ở văn chỉ, từ chỉ thì người đó ở sau Chu Công, Khổng Tử, Tứ phối, Thập triết và Thất thập nhị hiền; nếu được bầu Hậu ở từ đường của dòng họ thì người đó sẽ ở sau các hàng cụ kỵ, ông bà, cha chú, ...”⁶.

“後 [...] có nghĩa là “sau” [...] 后 [...] có nghĩa là “vua - vợ vua” [...] 候 [...] có nghĩa là “hy vọng, dò ngóng, chực”⁷ [...] nếu chúng ta chỉ xem xét nghĩa của từng chữ “Hậu” thì mỗi chữ “Hậu” lại mang một nghĩa khác nhau, nhưng trong văn bản bia Hậu thần thì cả ba chữ “Hậu” ấy đều được hiểu cùng một nghĩa giống nhau [...] đều có một nghĩa chung là “ở phía sau”⁸; “Hậu thần được hiểu theo thứ bậc nghi lễ cúng tế tại đình (đền, miếu), tức khi thực hành nghi lễ cúng tế tại đình, tổ chức làng xã phải hành lễ kính tế Thần trước, sau đó mới phối cúng Hậu thần”⁹; “Hậu thần còn được dùng với nghĩa như một danh từ, thường được viết cùng họ và tên của người được tôn bầu làm Hậu thần”¹⁰.

- “Chữ Hậu được viết bằng một trong bốn tự dạng Hán: là 后, 後, 候, 厚. Trong nhóm những văn bia này [bia Hậu tộc - ĐPC], có nhiều bia ghi rõ ràng danh vị Hậu và câu chuyện cung tiến có báo đáp hoặc ghi vấn tắt tên, ngày giỗ, ruộng giỗ của nhiều vị Hậu. Tuy nhiên có văn bia lại ghi

nội dung không liên quan đến Hậu tộc [...]; có văn bia chỉ thống kê tên người và ngày giỗ [...]; có văn bia chỉ thống kê tên người cùng ngày giỗ và ruộng giỗ của từng người mà không nhắc đến danh vị Hậu hay việc cung tiến và báo đáp [...]; có văn bia ghi tên, ngày giỗ, số lễ vật, vị trí và diện tích ruộng cúng của mấy vị tổ tiên [...]; có bia ghi tên và ngày giỗ của mấy vị tổ tiên và mấy vị gửi giỗ [...]; có văn bia lại ghi tên, ngày giỗ, số lễ vật, vị trí và diện tích ruộng, số tiền của cha mẹ người khắc bia [...]. Như vậy, chữ Hậu trong những trường hợp này không chỉ được dùng để chỉ danh vị Hậu tộc hay việc bầu và gửi Hậu, mà còn có những ý nghĩa khác. Một trong những ý nghĩa khác đó là "những thông tin quan trọng cần nhớ mãi về sau"¹¹.

- “Trên bia Hậu Phật tỉnh Ninh Bình xuất hiện một số thuật ngữ dùng chỉ về danh vị Hậu Phật: a) Hậu Phật 後佛 <=> Phật Hậu 佛后. Có thể thấy ở một số bia, ví dụ *Phật Hậu bi ký* 佛后碑記 [...]; *Hậu Phật bi chí* 后佛碑誌 [...]. b) Hậu tự 后寺 <=> Tự hậu 寺后 [...]. Từ “Hậu” ở Việt Nam được dùng bằng các chữ Hán (後, 后, 厚) có âm đọc là Hậu hoặc âm Hầu (候) được dùng thông nghĩa với nhau và được coi như một danh từ và được hiểu là [đối tượng] phối thờ phía sau Phật”¹².

- “‘Hậu’ là thành tố trung tâm đặt phía trước và “thần” hoặc “phật” là thành tố phụ bổ nghĩa cho nó đặt ở phía sau. Ngay cả khái niệm về ý nghĩa của thành tố chính trong cụm từ đó là từ “Hậu” cũng không thể căn cứ vào các từ điển Hán văn hay Hán Việt mà giải thích ra được cho hoàn toàn thỏa đáng. Từ đó nếu như có nêu ra ý kiến

cho rằng “Hậu” là một từ Nôm tiếng Việt được thể hiện theo phương thức giả tá, mượn hình các chữ Hán đồng âm khác nhau như 後, 后, 候 hay 厚 thì cũng không phải là hoàn toàn phi lí”¹³.

- “Bản thân từ “Hậu” vốn là một từ đa nghĩa, hay nói cách khác là có mấy hình chữ Hán khác nhau cùng có âm đọc Hán Việt là “Hậu” như 後, 后 hay 候, 厚, nên tùy theo ý nghĩa khác nhau của hình chữ Hán được sử dụng mà quan niệm về “Hậu” có khi là chỉ sự tương quan về phương vị không gian, về trật tự thứ bậc và cả về tương quan thời gian, từ đó dẫn tới những cách hiểu và giải thích ý nghĩa hoặc sắc thái có phần sai khác nhau. [...] trong đời sống sinh hoạt khi nói về “Hậu” thì khái niệm về danh vị này khá linh hoạt, có lẽ được hiểu là sự tổng hợp tất cả các ý nghĩa của những chữ Hán đó”¹⁴.

- “Ở những trường hợp bầu danh vị nêu trên, thành tố chính vẫn giữ lại chữ “Hậu” nhưng vì yếu tố thứ hai kết hợp với nó đã thay đổi nên đa phần hầu như không thể dùng ý nghĩa gốc ban đầu của chữ này để giải thích cho danh vị được nữa, chứng tỏ ý nghĩa của danh vị tôn bầu cũng có sự thay đổi. Có vẻ như lúc này Hậu đã không còn hàm ý về vị trí hoặc địa vị thờ phụng nữa mà chỉ giữ lại ý nghĩa là người có công đức với tập thể cộng đồng và được tập thể cộng đồng báo đáp lại bằng một hình thức tâm linh nào đó. Đôi khi cũng không hẳn là vì nói tắt mà trong danh vị tôn bầu không còn yếu tố thứ hai nữa, chỉ còn gọi là “Hậu”¹⁵.

Qua các nội dung được trích dẫn trên, có thể rút ra một số điểm chủ yếu sau:

Về mặt chữ, ngoài Trần Kim Anh, 4 người còn lại đều đề cập tới tự dạng của chữ “hậu”, trong đó, Nguyễn Quang Khải chỉ ghi nhận 1 chữ duy nhất là 後; Phạm Thùy Vinh và Trần Thị Thu Hường nhắc tới 3 mặt chữ 后, 後, 候; Vũ Thị Mai Anh, Mai Thu Quỳnh và Nguyễn Văn Nguyên đều liệt kê 4 mã chữ 后, 後, 候, 厚 - đây cũng là các thống kê với nhiều mã chữ để ghi âm “hậu” nhất cho tới nay; Nguyễn Kim Măng ghi nhận 3 mã chữ 後, 后, 厚.

Về âm đọc, ngoài Nguyễn Kim Măng cho rằng các chữ 後, 后, 厚 “có âm đọc là Hậu hoặc âm Hầu (候)”, những người còn lại đều chỉ đọc là “hậu”.

Về từ loại của “hậu” - do chính các tác giả nhận định, hoặc xét từ nội dung các định nghĩa được trích, có thể thấy: Trần Kim Anh cho rằng ban đầu “hậu” là một động ngữ “được phụng thờ sau Thần Phật”, về sau “được nhìn nhận như một danh từ chỉ người được lập Hậu”. Như vậy, “hậu” mang 2 nghĩa, 1 nghĩa với chức năng là động ngữ, 1 nghĩa là danh từ. Nguyễn Quang Khải thì cho “hậu” là một danh từ, với nghĩa là “sau”¹⁶. Phạm Thùy Vinh kết luận dù là chữ *hậu* nào thì khi đứng sau các danh từ *Phật*, *Thần*, *Hiền* thì cũng đều có nghĩa là *phía sau*. Vũ Thị Mai Anh đưa ra 3 nghĩa đều thuộc danh từ: “phía sau”, “người hầu cận” và “người hiền hậu”. Trần Thị Thu Hường cho rằng “hậu” vừa là danh từ: “sau” hoặc “danh từ [...] được viết cùng họ và tên của người được tôn bâu làm Hậu thân”, vừa là trạng từ “ở phía sau”. Mai Thu Quỳnh thì nhận định “hậu” có nhiều nghĩa, trong đó, 3 nghĩa được đề cập đều là ngữ danh từ: “danh vị Hậu”, “việc bâu và

gửi Hậu”, “những thông tin quan trọng cần nhớ mãi về sau”. Nguyễn Kim Măng cũng cho rằng đây “được coi như một danh từ và được hiểu là [đối tượng] phôi thờ phía sau Phật”. Nguyễn Văn Nguyên coi là định ngữ. Như vậy, đại đa số các quan niệm cho “hậu” là một danh từ hoặc danh ngữ, riêng Trần Kim Anh, ngoài danh từ, “hậu” còn mang chức năng một động ngữ và Trần Thị Thu Hường thì bổ sung thêm chức năng trạng từ. Nguyễn Văn Nguyên không xác định từ loại của các mặt chữ Hậu được nêu.

Về ý nghĩa của “hậu”, đại đa số các tác giả cho rằng đây là từ để chỉ những đối tượng được phụng thờ phía sau Thần Phật Thánh, hoặc chỉ việc bâu một ai đó vào ngôi Hậu, v.v... Nhưng Vũ Thị Mai Anh đề xuất thêm 2 nghĩa: “người hầu cận” và “người hiền hậu”, tùy vào mặt chữ mà ngoài các ý nghĩa thông thường như chỉ danh vị Hậu, việc bâu và gửi Hậu; Mai Thu Quỳnh còn đề xuất một ý nghĩa nữa: “những thông tin quan trọng cần nhớ mãi về sau”. Tuy nhiên, chúng tôi thấy nghĩa “người hiền hậu” có vẻ chưa đủ sức thuyết phục, bởi trước nay, sự “hiền hậu/từ bi” thường được gắn với Phật, chứ không gắn với Thần, hơn nữa, các chữ Phật/Thần/Hiền, v.v... đứng sau các chữ “hậu” thì luôn đóng vai trò gần như một tính từ, để ngầm chỉ nơi chỗ mà Hậu được thờ (Hậu Phật được thờ ở chùa; Hậu Thần được thờ ở đình, đền, miếu; Hậu Hiền được thờ ở văn từ, văn chỉ; Hậu tộc thờ ở từ đường v.v...¹⁷), bởi vậy, nếu hiểu Hậu Thần (厚神) là “người hiền hậu như Thần” thì có phần khiên cưỡng và sẽ không lý giải được trong trường hợp chữ 厚 đứng trước những

chữ khác để chỉ loại Hậu khác, như Hậu Ngô, Hậu Giáp, Hậu Họ, v.v... (cho đến giờ, vẫn chưa có nghiên cứu nào khẳng định rằng chữ hậu 厚 không đứng trước những chữ như vừa nêu trên). “Những thông tin quan trọng cần nhớ mãi về sau” cũng là ý nghĩa khiến chúng tôi băn khoăn, bởi những chữ “hậu” xuất hiện trong bia Hậu tộc mà Mai Thu Quỳnh thấy rằng “nội dung không liên quan đến Hậu tộc [...], [...] chỉ thống kê tên người và ngày giỗ [...], [...] chỉ thống kê tên người cùng ngày giỗ và ruộng giỗ của từng người mà không nhắc đến danh vị Hậu hay việc cung tiến và báo đáp [...], [...] ghi tên, ngày giỗ, số lễ vật, vị trí và diện tích ruộng cúng của mấy vị tổ tiên [...], [...] ghi tên và ngày giỗ của mấy vị tổ tiên và mấy vị gửi giỗ [...], [...] ghi tên, ngày giỗ, số lễ vật, vị trí và diện tích ruộng, số tiền của cha mẹ người khắc bia [...]”, nên đã kết luận rằng những chữ Hậu trong các trường hợp đó có nghĩa là “những thông tin quan trọng cần nhớ mãi về sau” vẫn chưa đủ cơ sở thuyết phục. Theo chúng tôi, “hậu” trong những trường hợp kể trên chỉ đơn giản là được dùng để thông báo rằng các thông tin được đề cập ở đây là để nói về những trường hợp được tập thể/tổ chức/dòng họ v.v... thờ cúng sau khi phát sinh giao kèo về việc cung tiến - báo đền (hoặc do tập thể làng xã tự nguyện thờ cúng với tư cách là “Hậu”). Qua trích dẫn được nêu ở đoạn trên, có thể thấy, quan điểm của chúng tôi và nhận định “là người có công đức với tập thể cộng đồng và được tập thể cộng đồng báo đáp lại bằng một hình thức tâm linh nào đó” của Nguyễn Văn Nguyên khá gần nhau. Ngoài ra, tác giả của *Hoạt động cung tiến và lệ bầu Hậu*

còn đưa ra một ý nghĩa nữa: “từ Nôm tiếng Việt được thể hiện theo phương thức giả tá”. Xét từ thực tế văn bản Hán Nôm, chúng tôi đồng tình với quan niệm về yếu tố giả tá trong trường hợp chữ Hậu. Tuy nhiên, với mục đích tìm hiểu một cách triệt để ý nghĩa của “hậu” mà bài viết đã đặt ra từ đầu, thiết nghĩ, cần khảo sát một cách kỹ lưỡng xem các chữ Hậu được sử dụng trong tục thờ Hậu mà ta đang nghiên cứu ở đây được từ điển ghi nhận như thế nào.

2. Định nghĩa về các chữ “hậu” trong từ điển

Tuy đã có nhiều cách hiểu về chữ “hậu” như trên, nhưng như đã trình bày, cho đến nay, ít nhất là có 4 mã chữ để ghi âm/chỉ đối tượng “Hậu” hoặc những ý nghĩa liên quan đến đối tượng đó là 后, 後, 候 và 厚. Thực tế đó khiến chúng tôi muốn tìm hiểu về ý nghĩa thực sự gắn kết với “Hậu” và tục thờ Hậu của những chữ nêu trên. Tại sao người ta lại dùng tới 4 mã chữ? Có ẩn ý gì bên sau những mã chữ đó không? Hay “dù là chữ *hậu* nào thì khi đứng sau các danh từ *Phật*, *Thần*, *Hiền* thì cũng đều có nghĩa là *phía sau*”^{18?}, hoặc “các chữ Hán (後, 后, 厚) có âm đọc là Hậu hoặc âm Hâu (候) được dùng thông nghĩa với nhau và được coi như một danh từ và được hiểu là [đối tượng] phối thờ phía sau Phật”¹⁹, hay “trong văn bản bia Hậu thần thì cả ba chữ “hậu” ấy [後, 后, 候 - ĐPC] đều được hiểu cùng một nghĩa giống nhau [...] đều có một nghĩa chung là “ở phía sau.

Trước tiên, ta lần lượt xem những chữ 后, 後, 候 và 厚 được giải thích trong hai bộ từ điển của Trung Quốc uy tín và đồ sộ nhất hiện nay, một của Trung Quốc, một của Đài Loan là *Hán ngữ Đại từ điển* (viết

tắt: *HNDTĐ*) và *Trung văn Đại từ điển* (viết tắt: *TVĐTĐ*) như thế nào.

後:

HNDTĐ cho biết chữ này có 10 nghĩa: 1. muộn; 2. hậu duệ; 3. kế thừa; 4. đời sau; 5. sau hoặc dưới; 6. rớt xuống phía sau; 7. phần nối giữa phía trên chuôi kiếm và thân kiếm; 8. hậu môn; 9. ngữ khí từ; 10. họ [tên]²⁰. *TVĐTĐ* tổng cộng có 16 nghĩa, trong đó có 6 nghĩa không có trong *HNDTĐ*: 1. không kịp thời; 2. đến muộn; 3. kém/không bằng; 4. sau khi xong việc; 5. phía sau; 6. cuối²¹. Trong 16 nghĩa kể trên, nghĩa “sau” của *HNDTĐ* và “phía sau” trong *TVĐTĐ* phù hợp và không có mâu thuẫn gì với cách hiểu thông thường xưa nay về “Hậu”: chỉ người được thờ phía sau Thần, Phật, Thánh v.v...

后:

HNDTĐ ghi nhận 10 nghĩa 1. vua; 2. hoàng hậu; 3. chur hầu; 4. tôn xưng trưởng quan, quận thú hoặc tướng lĩnh; 5. chủ trì; 6. [thần] Hậu thổ; 7. thông với 後 (phía sau); 8. thông với 厚 (lớn, nặng); 9. thông với 姤 (tốt lành); 10. họ [tên]²². *TVĐTĐ* ghi nhận 13 nghĩa, trong đó, có 3 nghĩa không được ghi nhận trong *HNDTĐ*: 1. phi của thiên tử; 2. chủ/chúa; 3. thông với 項²³. Trong 13 nghĩa này, nghĩa “thông với 後” trong *HNDTĐ* là phù hợp nhất và có thể hiểu là “[người được thờ] phía sau [Thần, Phật, Thánh, v.v...]”.

厚:

HNDTĐ cho biết có 13 nghĩa 1. dày; 2. lớn; 3. nặng; 4. nhiều; 5. sâu; 6. tăng thêm; 7. tốt hơn; 8. hậu đãi, ưu đãi; 9. chú trọng; 10. thân mật; 11. đôn hậu; 12. nồng đậm; 13. họ [tên]²⁴. *TVĐTĐ* có 16 nghĩa,

trong đó, 6 nghĩa sau không có trong *HNDTĐ*: 1. dài; 2. quý; 3. mạnh; 4. cực kỳ; 5. núi; 6. thông với 後²⁵. Trong những nghĩa trên, chúng tôi thấy nghĩa “hậu đãi, ưu đãi” trong *HNDTĐ* và nghĩa “thông với 後” của *TVĐTĐ* là phù hợp hơn cả và có thể hiểu theo 2 nghĩa khi dùng trong tục thờ Hậu: người được thờ phía sau Thần, Phật, Thánh v.v...; dùng để chỉ người được “hậu đãi, ưu đãi” bằng cách cho được hưởng sự thờ cúng tại cơ sở thờ tự đó.

候:

HNDTĐ ghi nhận 17 nghĩa: 1. trình sát; 2. lính trình sát; 3. lũy đất dùng để quan sát tình hình địch; 4. viên quan nhỏ nắm việc trình sát; 5. quan canh giữ biên cảnh; 6. quan phụ trách việc đón khách; 7. dịch trạm, dịch quán; 8. nghênh tiếp; 9. thăm hỏi; 10. đợi chờ; 11. đơn vị tính thời gian thời cổ (5 ngày là 1 *hậu*); 12. thời tiết, lúc, khi; 13. chiêm nghiệm, dự đoán; 14. chứng trạng; 15. điềm báo; 16. chỉ tình trạng thay đổi liên tục; 17. tiền “boa”²⁶. *TVĐTĐ* có tổng cộng 15 nghĩa, trong đó có thêm 3 nghĩa không xuất hiện trong *HNDTĐ*: 1. bảo vệ; 2. mức độ; 3. họ (tên)²⁷.

Không như 3 chữ “hậu” trước, trong 20 nghĩa trên, 候 không có nghĩa nào là “phía sau”. Xét cả 20 nghĩa được ghi nhận trong 2 bộ từ điển Hán ngữ có dung lượng từ lớn nhất này, chúng tôi không thấy có nghĩa nào khả dĩ phù hợp với tục thờ mà ta đang bàn đến ở đây. Từ điển cũng không ghi nhận sự thông nghĩa của chữ này với bất kỳ chữ nào trong 3 chữ *hậu* còn lại.

Đã ngỡ là không tìm được hướng luận giải, nhưng khi thử tìm ở trang <https://www.zdic.net>, một tự điển trực tuyến chính

thống và uy tín của Trung Quốc, thì thật may mắn: tôi đã tìm được một nghĩa khá phù hợp: 服侍 (hầu hạ), với một trích dẫn minh họa như sau: 性柔順好禮，每帝視朝退，常具冠帔候接，佐禦饌。——《宋史》 ([Bà] tính nhu thuận, hiếu lễ. Mỗi khi vua thoái triều, thường mũ áo tề chỉnh đón hầu, phục vụ vua ngự thiện [dùng bữa])²⁸. Vậy thì, nhiều khả năng, khi dùng chữ này, người ta muốn nhấn mạnh ý các “Hậu” là người “hầu hạ” Thần, Phật, Thánh. v.v... Một điều thú vị là khi đọc *Đời nay cung tiến, ngàn sau phụng thờ*, chúng tôi cũng bắt gặp giải thích tương tự của Vũ Thị Mai Anh (hậu 候 nghĩa là người hầu cận) như thượng dẫn.

Trở lên đã nói, định nghĩa trong từ điển không cho thấy 候 mang nghĩa “sau”. Tuy nhiên, trước nhiều ý kiến cho rằng dù là chữ “hậu” nào, thì cũng đều mang nghĩa là “sau”, tôi thấy cần tiến thêm một bước

khảo sát rộng hơn phạm vi tồn tại của 候 ở trong chính những văn bản vừa gắn liền với tục thờ Hậu, vừa là cơ sở để những nhà nghiên cứu trước đây đưa ra nhận xét như trên. Với tiêu chí đó, nguồn tư liệu mà chúng tôi lựa chọn để khảo sát là văn khắc/thác bản văn khắc được những người đi trước dùng để nghiên cứu vấn đề thờ Hậu. Do lượng tư liệu quá rộng, nên nghiên cứu chỉ khuôn vào 2 ấn phẩm: *Tạp chí Hán Nôm* (chuyên đề bia Hậu - nhiều tác giả), số 2/2022 và chuyên khảo *Hoạt động cung tiến và lệ bầu Hậu* của Nguyễn Văn Nguyên, bởi đây là hai công trình vừa có độ phong phú về thể loại Hậu, vừa có nguồn tư liệu trải dài nhiều thế kỷ, chứ không bị khuôn vào một loại Hậu, hay một giai đoạn ngắn như những nghiên cứu cùng đề tài khác.

Sau khi thống kê, tôi thấy chữ 候 xuất hiện 9 lần, như bảng dưới đây:

Bảng 1: Chữ 候 trong văn bia²⁹

Chữ	Nội dung	Niên đại	Ký hiệu	Nơi đặt bia	Nguồn dẫn	Kết hợp thành cụm từ	Ý nghĩa
候	<i>Hậu thần bi ký</i> ³⁰ 候神碑記	Cảnh Hưng thứ 19 (1758)	4544-4545	Hải Dương	Trần Thị Thu Hương, tr.38	候神	Chưa xác định
	Ứng bầu Đoàn công tự Pháp [Tuyên], đạo hiệu Huyền Chân vi Hậu thần 應保段公字法[璇]道号玄真為候神	Cảnh Hưng thứ 19 (1758)	4544-4545	Hải Dương	Trần Thị Thu Hương, tr.38	候神	Chưa xác định
	<i>Hậu tổ bi ký</i> 候祖碑記	Đình Tị (?)	45790	Quảng Ninh	Mai Thu Quỳnh, tr.64	候祖	Chưa xác định
	<i>Hậu tổ bi ký</i> 候祖碑記	Đình Tị (?)	45789	Quảng Ninh	Mai Thu Quỳnh, tr.64	候祖	Chưa xác định

Chữ	Nội dung	Niên đại	Ký hiệu	Nơi đặt bia	Nguồn dẫn	Kết hợp thành cụm từ	Ý nghĩa
	Hậu tổ bi kí 侯祖碑記	Không rõ	45795	Quảng Ninh	Mai Thu Quỳnh, tr.65	侯祖	Chưa xác định
	Hậu Phật bi minh/Phổ huệ bi minh 侯佛碑銘/普惠碑銘	Cảnh Trị thứ 6 (1668)	3718/3719	Hung Yên	Dương Văn Hoàn, tr.96	侯佛	Chưa xác định
	Phúc Giao tự Hậu phật bi/Bản xã bảo trí Sĩ nhiều 福膠寺侯佛碑/本社保置士鏡	Vĩnh Tộ 10 (1628) ³¹	4349/4350 /4351	Thái Bình ³²	Nguyễn Văn Nguyên, tr.185	侯佛	Chưa xác định
	Tôn chi vi Hậu thần 尊之為侯神	Bảo Thái 7 (1726) ³³	3847	Thái Bình ³⁴	Nguyễn Văn Nguyên, tr.199	侯神	Chưa xác định
	Tu tạo Hậu thần bi/Vạn đại hương thần huệ 修造侯神碑/萬代饗神惠	Cảnh Hưng thứ 14 (1753)	7441/7442	Sơn Tây ³⁵	Nguyễn Văn Nguyên, tr.347	侯神	Chưa xác định

Như đã nói, nhiệm vụ của người viết là đi tìm ý nghĩa của chữ 候 trong văn bia Hậu. Để tìm được, cần dựa vào văn cảnh (cụ thể là những từ kết hợp chặt nhất với chúng để tạo thành cụm từ có nghĩa. Bởi vậy, tất cả những trường hợp “Hậu” kết hợp với các chữ “Thần”, “Phật”, “Tộc” để tạo thành các danh vị “Hậu Thần”, “Hậu Phật”, “Hậu Tộc” sẽ đều thuộc trường hợp “chưa xác định” về ý nghĩa, vì không có văn cảnh. Chỉ những trường hợp kết hợp với những từ khác, và tạo ra được ý nghĩa tường minh, mới ghi nghĩa cụ thể. Tuy nhiên, có thể thấy, 100% các chữ 候 ở bảng thống kê trên đều thuộc dạng ý nghĩa “chưa xác định” và đương nhiên là không lần nào có khẳng định được rằng nó mang nghĩa “sau”. Như vậy, ít nhất là cho đến nay, chưa tìm được bằng chứng ghi nhận ý

nghĩa “sau” của chữ “hậu” này trong tục thờ Hậu (được thể hiện trong bia Hậu và những văn bản hữu quan). Cũng có nghĩa là, khi dùng để nói về danh vị Hậu hoặc những hoạt động liên quan, chỉ 後,后,厚 có thể mang nghĩa “sau”, với ý là “người được thờ sau Thần/Phật/Thánh/tổ tiên/tiên nhân, v.v...” (riêng 厚 thì có thể có thêm nghĩa “[người được] hậu đãi”). Chữ 候 thì chưa đủ cơ sở kết luận mang nghĩa “sau”, mà chỉ nên hiểu 候 là “người hầu hạ/hầu cận”. Những văn bia có ghi chữ 候 trong bảng thống kê trên ít nhất là có thời gian trải dài qua 2 thế kỷ XVII và XVIII (nhiều khả năng thời gian còn trải dài hơn, do có một số bia chỉ ghi năm can chi, hoặc không niên đại, nên không xác định được thời điểm chính xác), với những đối tượng Hậu khác loại, địa bàn phân bố ở 5 tỉnh khác nhau

(gồm Hải Dương, Quảng Ninh, Hưng Yên, Thái Bình, Sơn Tây), nhưng không lần nào cho thấy 候 mang nghĩa “sau”. Sự trải rộng về thời gian, không gian của tư liệu như vậy, nhưng lại có chung một kết quả như trên đã làm tăng thêm tính khách quan cho nhận định về sự vô can giữa nghĩa “sau” với 候.

Đến đây, người viết cũng muốn nhắc lại nhận định ở đầu bài viết: các chữ Phật/Thần/Hiền v.v... đứng sau các chữ “hậu” đóng vai trò gần như một tính từ, để ngầm chỉ nơi chốn mà Hậu được thờ (Hậu Phật được thờ ở chùa; Hậu Thần được thờ ở đình, đền, miếu; Hậu Hiền được thờ ở văn từ, văn chỉ; Hậu tộc thờ ở từ đường; v.v...). Xác định tính chất của các thành tố sau chữ “hậu” như vậy, ta sẽ thấy dù là chữ “hậu” nào, với ý nghĩa nào, cũng đều thoả đáng và không cần phải băn khoăn về trật tự ngữ pháp của cụm từ này nữa. Tuy nhiên, trong trường hợp chữ được dùng là 後/后/厚 thì với ý nghĩa là “sau”, cách hiểu cụm từ “hậu + Thần/Phật/Hiền” là một kết cấu ngữ pháp tiếng Việt với nghĩa là “người được thờ sau ...” cũng là hữu lý.

Đi vào thực tế văn bản, với ý nghĩa như đã trình bày ở trên của 候, có thể thấy, trong 3 chữ “hậu” được dùng trong tấm bia *Hậu thần bi ký* 候神碑記 (N^o8411 - 8412) mà Trần Thị Thu Hường nhắc tới trong cuốn chuyên khảo của mình ở đoạn trích dưới đây: “由於壬申年本社始回填基溪貢因此本社保置阮氏滂為候神納古錢拾貫其本社立券交詞定例取錢買禮物築基貢口至庚寅年再納古錢拾五貫又供進田壹畝...立石碑永為後誌其如餘惠忌日各節列例于后[...]”³⁶, thì chỉ có 2 chữ 後 và

后 có nghĩa là “sau”, còn 候 thì mang nghĩa “hậu hạ/người hậu”, chứ không phải cùng mang nghĩa “sau” như tác giả nhận định.

Đến đây, thiết nghĩ, cũng cần đính chính lại nhận định “các chữ Hán (後, 后, 厚) có âm đọc là Hậu hoặc âm Hậu (候) được dùng thông nghĩa với nhau và được coi như một danh từ và được hiểu là [đối tượng] phối thờ phía sau Phật”³⁷ của Nguyễn Kim Măng. Bởi như đã nói trên, chữ 候 (hậu) thông với 候 (hậu), chữ 候 (hậu) không thông với 候 (hậu). Có nghĩa là, 候 có thể đọc là “hậu”, nhưng 候 thì không thể đọc là “hậu”. Và dù viết bằng mã chữ nào trong 4 mã chữ 後, 后, 候, 厚, cũng chỉ có thể đọc thành một âm duy nhất là “hậu” mà thôi.

3. Kết luận

Ai đó đã nói đại ý rằng “trong khoa học không có chân lý cuối cùng”. Thật khó có thể khẳng định chắc chắn rằng những nghĩa vừa được đưa ra ở trên là chính xác tuyệt đối, vì người dùng những chữ đó đều đã thành người thiên cổ, nên kiểm chứng là công việc bất khả. Tuy nhiên, sau khi đã gạn lọc kỹ càng như trên, có lẽ đã có thể tạm kết luận rằng: ①. Trong ý nghĩa của chữ “hậu” ở tục thờ hậu, chỉ có 3 chữ 後, 后 và 厚 thông nhau và mang nghĩa “sau”; ②. Chữ 厚 ngoài nghĩa “sau”, còn có thể mang nghĩa “hậu đãi”; ③. 候 không thông nghĩa với các chữ còn lại và mang nghĩa “người hậu cận”; ④. Sử dụng chữ “hậu” nào, với ý nghĩa nào, là phụ thuộc hoàn toàn vào ý chí chủ quan của người dùng chữ trong thời điểm định bản. Bởi vậy, không phải “dù là chữ *hậu* nào thì khi đứng sau các danh từ *Phật, Thần, Hiền* thì cũng

đều có nghĩa là *phía sau*” và trong nhiều trường hợp, chưa hẳn là “các chữ Hán (後, 后, 厚) [...] được dùng thông nghĩa với nhau và [...] được hiểu là [đối tượng] phối thờ phía sau Phật” - bởi 厚 còn có nghĩa khác như đã trình bày; ⑤. Ngoài các ý nghĩa vẫn được hiểu như từ trước đến nay: chỉ những đối tượng được phụng thờ phía sau Thần Phật Thánh, hoặc chỉ việc bầu một ai đó vào ngôi Hậu, hoặc đơn thuần chỉ là sự giả tá - có nghĩa là các chữ “hậu” dù viết bằng mặt chữ nào cũng thông nghĩa với nhau, thì tùy chữ được dùng, tùy văn cảnh, rất có thể, còn được mang các nghĩa “hậu đãi”, “hậu hạ/người hậu”, hoặc đơn giản là chỉ việc/thông tin liên quan đến những trường hợp được tập thể/tổ chức/dòng họ v.v. thờ cúng với tư cách là “ông/bà/cụ Hậu”.

Cùng với việc phát hiện những tư liệu mới, ý nghĩa của chữ “hậu” nhiều khả năng sẽ tiếp tục được bổ sung. Nhưng hy vọng rằng, việc xác định thêm những nghĩa mới cho “hậu” như trên cũng có thể làm rõ thêm tâm ý của người xưa khi dùng những mặt chữ khác nhau, đồng thời cũng gỡ bỏ được phần nào những băn khoăn, lúng túng trước ý nghĩa của những mặt chữ “hậu” được tiền nhân sử dụng./.

Đ.P.C

Chú thích và tài liệu trích dẫn

1. Ví dụ như ở làng Cống Xuyên, xã Nghiêm Xuyên, huyện Thường Tín (cũ), TP. Hà Nội, lễ giỗ Hậu vẫn được tổ chức thường niên với nghi thức long trọng vào ngày 24/10 (tác giả bài viết này cũng đã có dịp được dự khán vào năm Nhâm Tý 2022. Nhân đây, xin cảm ơn người con của Cống Xuyên là ông Nguyễn Văn Sáng đã tặng cho tôi cơ duyên quý giá này).

2. Ký hiệu [...] trong các trích dẫn biểu thị những nội dung không cần thiết cho vấn đề đang đề cập và đã được tôi lược bỏ.

3. Trần Kim Anh (2004), “Bia Hậu ở Việt Nam”, *Việt Nam học - Kỷ yếu Hội thảo quốc tế lần thứ hai*, NXB. Thế giới, tr.179.

4. Phạm Thùy Vinh (2006), “Lệ bầu Hậu của người Việt qua tư liệu văn bia”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 3/2006, tr.34.

5. Vũ Thị Mai Anh (2015), *Đời nay cung tiến, ngàn sau phụng thờ*, NXB. Thế giới, Hà Nội, tr.102.

6. Nguyễn Quang Khải (2016), *Tìm hiểu tục bầu Hậu gửi giỗ ở Bắc Ninh qua tư liệu văn bia*. NXB. Hội Nhà văn, Hà Nội, tr.13.

7. Trần Thị Thu Hương (2020), *Văn bia Hậu Thần Việt Nam (thế kỷ XVII - XVIII)*, NXB. Văn học, Hà Nội, tr.24 - 25.

8. Trần Thị Thu Hương (2020), *sđđ*, tr. 26 - 27.

9. Trần Thị Thu Hương (2020), *sđđ*, tr. 27.

10. Trần Thị Thu Hương (2020), *sđđ*, tr. 28.

11. Mai Thu Quỳnh (2022), “Tổng quan về tư liệu văn bia Hậu Tộc tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm”, số 2 (171)/2022, tr.54-55.

12. Nguyễn Kim Măng (2022), “Nghiên cứu văn bia Hậu Phật tỉnh Ninh Bình”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 2 (171), tr.70 và 77.

13. Nguyễn Văn Nguyên, (2024), *Hoạt động cung tiến và lệ bầu Hậu*, NXB. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, tr.6.

14. Nguyễn Văn Nguyên, (2024), *Sđđ*, tr.196.

15. Nguyễn Văn Nguyên, (2024), *Sđđ*, tr.202.

16. “Phía đối lập với phía trước mặt” (Hoàng Phê chủ biên (2003), *Từ điển tiếng Việt*, NXB. Đà Nẵng, Đà Nẵng, tr.851.

17. Trong thực tế, có những trường hợp không theo quy luật này, nhưng chỉ là rất cá biệt và cũng không thuộc nội dung được bàn trong nghiên cứu của chúng tôi.

18. Phạm Thùy Vinh (2006), bđd, tr.34.
19. Nguyễn Kim Măng (2022), bđd, tr.77.
20. 汉语大词典编辑委员会 Ban Biên tập Hán ngữ Đại từ điển (1997), «汉语大词典» *Hán ngữ Đại từ điển*, 汉语大词典出版社, 上海, tr. 1847.
21. 中文大辭典編纂委員會 Trung văn Đại từ điển Biên soạn Ủy viên hội (1973), «中文大辭典» *Trung văn Đại từ điển*, 中國文化研究所印行 Trung Quốc Văn hóa Nghiên cứu sở ấn hành, tập 3, tr.285.
22. 汉语大词典编辑委员会 Ban Biên tập Hán ngữ Đại từ điển (1997), sđd, tr.1502.
23. 中文大辭典編纂委員會 Trung văn Đại từ điển Biên soạn Ủy viên hội (1973), sđd, Tập 12, tr.140.
24. 汉语大词典编辑委员会 Ban Biên tập Hán ngữ Đại từ điển (1997), sđd, tr.390.
25. 中文大辭典編纂委員會 Trung văn Đại từ điển Biên soạn Ủy viên hội (1973), sđd, Tập 6, tr.140.
26. 汉语大词典编辑委员会 Ban Biên tập Hán ngữ Đại từ điển (1997), sđd, tr.637.
27. 中文大辭典編纂委員會 Trung văn Đại từ điển Biên soạn Ủy viên hội (1973), sđd, Tập 5, tr.134.
28. <https://www.zdic.net/hans/%E5%80%99> (truy cập ngày 13 tháng 2 năm 2025).
29. *Tạp chí Hán Nôm*, số 2/2022 không có bài của Nguyễn Văn Nguyên; những nghiên cứu của tác giả khác đều nằm trong *Tạp chí Hán Nôm*, số 2/2022. Bởi vậy, ở cột nguồn dẫn, tôi chỉ ghi tên tác giả và số trang (Nguyễn Văn Nguyên mặc định là từ chuyên khảo; những tác giả khác mặc định là từ cuốn tạp chí trên), không nhắc lại đầy đủ các thông tin như thông lệ nữa.
30. Phần phiên âm ở bảng này được trình bày theo nguyên tắc: in nghiêng khi đó là tiêu đề của văn bia.
31. Viện Nghiên cứu Hán Nôm (1986), *Thư mục bia Việt Nam*, Tập 5, Bản lưu hành nội bộ, tr.79.
32. Viện Nghiên cứu Hán Nôm (1986), *Thư mục bia Việt Nam*, tập 5, tr.79.
33. Viện Nghiên cứu Hán Nôm (1986), *Thư mục bia Việt Nam*, tập 4, tr.225.
34. Viện Nghiên cứu Hán Nôm (1986), *Thư mục bia Việt Nam*, tập 4, tr.225.
35. Viện Nghiên cứu Hán Nôm (1986), *Thư mục bia Việt Nam*, tập 8, tr.70.
36. Trần Thị Thu Hương (2020), sđd, tr.27.
37. Nguyễn Kim Măng (2022), bđd, tr.77.
38. Dương Văn Hoàn (2022), “Tổng quan nguồn tư liệu văn bia Hậu tỉnh Hưng Yên thế kỷ XVII - XVIII”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 2 (171), tr.96.
39. Trần Thị Thu Hương (2022), “Tục bùa Hậu ở Việt Nam từ truyền thống tới đương đại: khảo cứu từ nguồn tư liệu văn bia Hán Nôm”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 2/2022, tr.38.
40. Mai Thu Quỳnh (2022), “Tổng quan về tư liệu văn bia Hậu Tộc tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 2 (171), tr.64, 65.